

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL

-----***-----

Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

Website: <http://www.vietteltuvanthietke.com.vn>

Email: kstk@viettel.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2017

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL
Năm 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VIETTEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100109106-075** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/03/2010 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 13/09/2017.
- Vốn điều lệ: **41.599.050.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **41.599.050.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 1 Giang Văn Minh, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **024.62660165/ 024.62660167**
- Số fax: **024.62660249**
- Website: **www.vietteltuvanthietke.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **VTK**
- Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 30/10/1995 Bộ Tư lệnh Binh chủng Thông tin liên lạc ra quyết định thành lập Xí nghiệp Khảo sát Thiết kế - tiền thân của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel ngày nay và ngày 30 tháng 10 hàng năm trở thành ngày truyền thống của Công ty.

Ngày 12/01/2006: Bộ quốc phòng có quyết định số 12/2006/QĐ-BQP về việc thành lập Công ty TNHH NN MTV Tư vấn Thiết kế Viettel trực thuộc Tổng Công ty Viễn thông Quân đội. Đây là mốc thời gian quan trọng ghi nhận bước trưởng thành vượt bậc từ Xí nghiệp thành Công ty.

Ngày 24/09/2008 chấp hành chủ trương cổ phần hóa của Chính phủ, Bộ Quốc phòng ra quyết định số 3008/QĐ-BQP về việc cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Tư vấn Thiết kế Viettel, ngày 23/03/2010 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel mã số doanh nghiệp 0100109106-075. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/04/2010, với vốn điều lệ là 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng). Cơ cấu vốn: Tập đoàn Viễn thông Quân đội, là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 1.088.000 cổ phần, tương ứng 10.880.000.000 đồng, chiếm 68%, còn lại là các cổ đông thiểu số.

Ngày 15/07/2015, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel đã thực hiện tăng vốn lần 1 thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 16.000.000.000 đồng. Tổng cộng vốn sau phát hành: 32.000.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ đồng).

Ngày 21/06/2017, Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel đã thực hiện tăng vốn lần 2 thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 9.599.050.000 đồng. Tổng cộng vốn sau phát hành: 41.599.050.000 đồng (Bốn mươi một tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm)

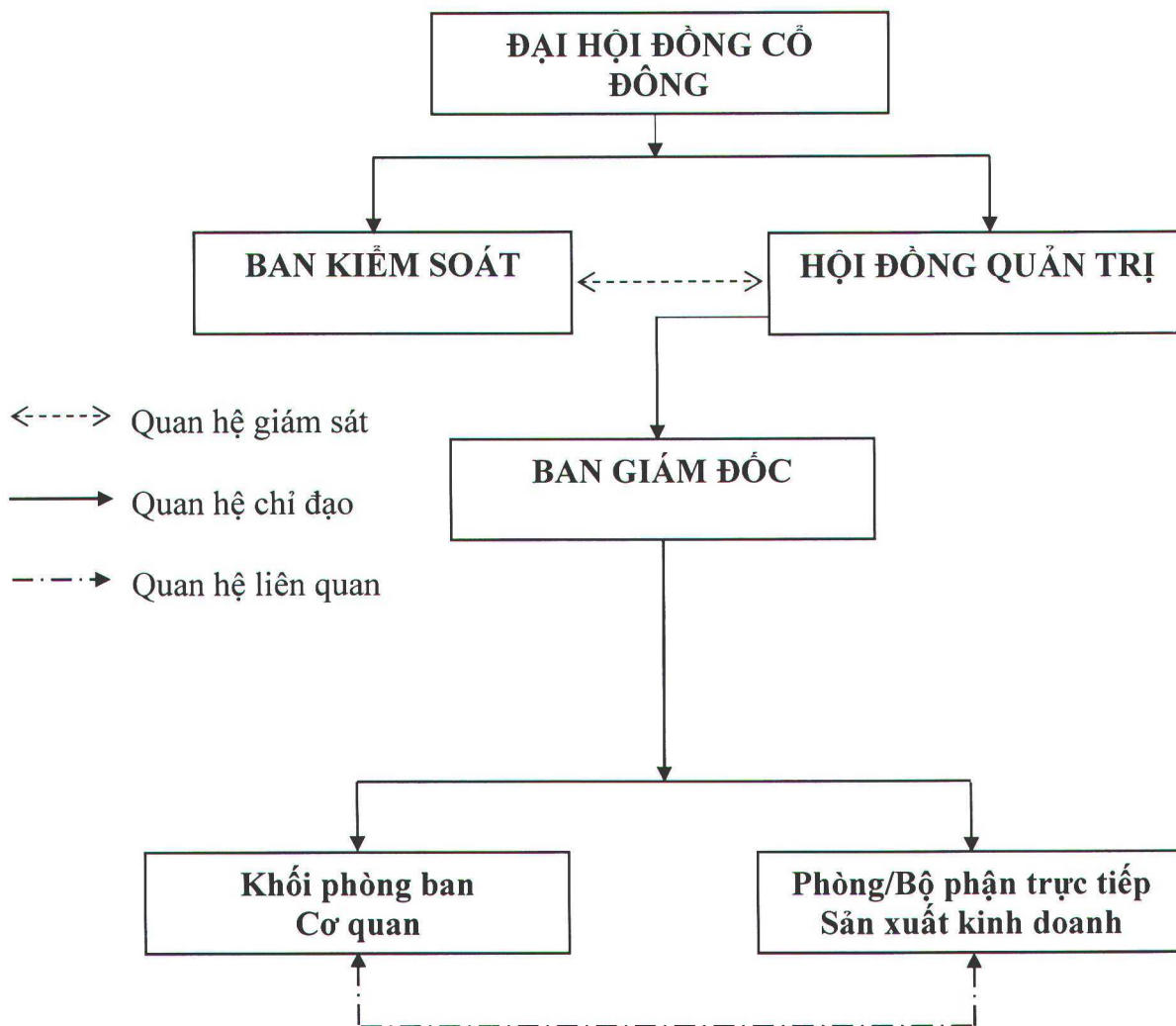
Tư vấn thiết kế hạ tầng Viễn thông: Thiết kế hệ thống truyền dẫn cáp quang; Thiết kế hạ tầng thông tin Đô thị; Thiết kế tháp anten, trạm BTS; Thiết kế trụ sở làm việc, khu nhà ở;

- Địa bàn kinh doanh: (chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất)

Chủ yếu là ở các tỉnh, thành phố trong nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý (theo sơ đồ):



Công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :
 - Xây dựng đội ngũ quản lý, tiếp tục tổ chức đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ năm 2018 và những năm tiếp theo.
 - Tổ chức lực lượng triển khai các lĩnh vực tư vấn dự án: Tư vấn giám sát công trình, tư vấn chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông.
 - Đẩy mạnh công tác kinh doanh, tìm kiếm - thực hiện các công trình bên ngoài Tập đoàn, tăng dần tỷ trọng doanh thu kinh tế .
 - Kế hoạch doanh thu năm 2018 đạt: 111,30 tỷ đồng.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :
 - Tiếp tục duy trì lợi thế của doanh nghiệp, tăng tính hiệu quả đảm bảo phát triển bền vững , lâu dài và ổn định cho doanh nghiệp.
 - Xây dựng, đào tạo lực lượng tiếp tục đi ra nước ngoài tiến hành công việc khảo sát thiết kế các công trình viễn thông, tạo tiền đề mở rộng thị trường ra nước ngoài trong thời gian tới.
 - Nâng cao năng lực các phòng ban để tham gia sâu rộng hơn vào tư vấn thiết kế bên trong và ngoài Tập đoàn, tăng dần tỷ trọng doanh thu bên ngoài Tập đoàn.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty :
 - Không thực hiện các hoạt động gây ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng.
 - Tích cực tham gia các hoạt động xã hội để góp phần đưa hình ảnh thân thiện của Công ty đến với mọi người.

5. Các rủi ro:

- Thị trường viễn thông trong nước đang dần bị bão hòa, hạ tầng viễn thông đã hoàn thiện.
- Sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các doanh nghiệp tư vấn thiết kế khác cùng ngành.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:
 - + Tổng doanh thu: 94,265 tỷ tăng 12,05 % so với năm 2016
 - + Tổng chi phí: 71,042 tỷ tăng 14,95 % so với năm 2016
 - + Lợi nhuận trước thuế: 23,223 tỷ tăng 4,02 % so với năm 2016
 - + Không phát sinh các khoản công nợ khó đòi, tình hình tài chính lành mạnh.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2017: Hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2017.

2. Tổ chức và nhân sự:

a) Danh sách Ban điều hành :

1/ Ông Lê Văn Chí

Sinh năm: 1963

Số CMND: 85063230

- Chức vụ: Giám đốc, Thành viên HĐQT

do Tổng cục Chính trị

cấp ngày 15/10/2013

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 14,097% - trong đó 13.6% đại diện cho Tập đoàn Viễn thông Quân đội - tương ứng với 565.760 cổ phần); 0,497% do bản thân sở hữu (tương ứng với 20.662 cổ phần)

2/ Ông Nguyễn Hữu Đức - Chức vụ: Phó Giám đốc
 Sinh năm: 1980
 Số CMND: 012989690 do Công an Hà Nội cấp ngày 08/06/2007
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,071% (do bản thân sở hữu 2.971 cổ phần)

3/ Ông Nguyễn Đăng Hùng - Chức vụ: Phó Giám đốc
 Sinh năm: 1979
 Số CMND: 012978483 do Công an Hà Nội cấp ngày 04/05/2006
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% (do bản thân sở hữu 0 cổ phần)

5/ Ông Nguyễn Hữu Hải - Chức vụ: Kế toán trưởng
 Sinh năm: 1981
 Số CMND: 025081000040 do Công an Hà Nội cấp ngày 02/12/2013
 Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% (do bản thân sở hữu 0 cổ phần)

b) Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Ông Vũ Tiến Duy đã thôi giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 01/04/2017.
- Ông Nguyễn Hữu Đức được giao nhiệm vụ Phó giám đốc Công ty từ ngày 14/07/2017.

c) Cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 94 người.
- Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

- a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	95.059.649.417	105.403.402.860	10,88%
Doanh thu thuần	81.059.428.294	90.920.544.907	12,05%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.342.706.837	23.344.729.986	4,49%
Lợi nhuận khác	(16.458.064)	(121.831.912)	
Lợi nhuận trước thuế	22.326.248.773	23.222.898.074	4,02%
Lợi nhuận sau thuế	17.833.707.405	18.421.310.858	3,29%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	60%	20%	

(Nguồn: BCTC năm 2017 đã được kiểm toán).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	7,12	6,24	
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	7,09	6,16	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,13	0,15	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,15	0,18	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	97,21	78,21	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,85	0,86	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,22	0,20	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,22	0,21	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,19	0,17	
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,28	0,26	

(Nguồn: BCTC năm 2016, 2017 đã được kiểm toán).

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.159.905 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 4.159.905 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Công ty CP Tư vấn Thiết kế Viettel theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 09/06/2017 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông lớn, nhỏ	412	4.159.905	100.00
- Cổ đông lớn	1	2.828.800	68,00
- Cổ đông nhỏ	411	1.331.105	32,00
2. Cổ đông tổ chức, cá nhân	412	4.159.905	100.00
- Tổ chức trong nước	2	2.953.600	71,00
- Cá nhân trong nước	410	1.206.305	29,00
- Cổ đông nước ngoài	-	-	-
3. Cổ đông nhà nước, cổ đông khác	412	4.159.905	100.00
- Cổ đông nhà nước	1	2.828.800	68,00
- Cổ đông khác	411	1.331.105	32,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm là: 4.876.510.600 đồng
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.2 Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 278.789.881 đồng
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3 Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 39.311.658 đồng
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động trung bình trong năm là: 89 người
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Có chính sách hỗ trợ khám sức khỏe định kì cho cán bộ công nhân viên.
- Hoạt động đào tạo người lao động
 - o Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hàng tháng các phòng ban trong Công ty tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm nâng cao trình độ chuyên môn.
 - o Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Tham gia các hoạt động tri ân trên địa bàn đơn vị.

6.7 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch, dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Năm 2017 là năm nền kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, hạ tầng viễn thông trong nước đã hoàn thiện ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với sự cố gắng nỗ lực của Hội đồng Quản trị, của Ban Giám đốc & sự giám sát chặt chẽ, sát sao của Ban kiểm soát, sự đoàn kết, không ngừng học tập, sáng tạo, nắm bắt nhanh công nghệ mới, chủ động trong công việc của đội ngũ CBCNV Công ty, nên đã hoàn thành được cơ bản các mục tiêu kế hoạch trong năm, đảm bảo thu nhập của người lao động ổn định.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy gián tiếp của Công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.
- Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm. Triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác giao ban, hội ý, giao việc được tổ chức định kỳ, thường xuyên, kịp thời, phân công trách nhiệm cụ thể, đôn đốc sát sao để công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được hiệu quả cao.
- Công ty thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm trong công việc, hàng tháng tổ chức các lớp học (cử các cán bộ có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao để truyền đạt, hướng dẫn cho các nhân viên mới ít kinh nghiệm).



- Năm 2017 Công ty tiếp tục điều chỉnh & áp dụng định mức lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình, đặc thù công việc nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, đời sống người lao động được nâng lên.
- Các biện pháp kiểm soát: Công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các phòng ban, các cá nhân về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, các khoản công nợ phải thu, phải trả, tăng khả năng quay vòng vốn,...
- Năm 2017 Công ty tổ chức xây dựng nguồn lực cho Phòng Thiết kế Kiến trúc để tham gia các nhiệm vụ thiết kế văn phòng, mở rộng ngành nghề mới, giảm dần sự phụ thuộc vào ngành nghề truyền thống.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	So sánh
1. Tài sản ngắn hạn	97.955.821.820	88.281.589.347	10,96%
- Tiền và các khoản tương đương tiền	52.606.173.966	71.163.627.153	-26,08%
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.000.000.000		
- Các khoản phải thu ngắn hạn	32.021.745.654	16.607.664.073	92,81%
- Hàng tồn kho	1.179.929.700	364.048.121	224,11%
- Tài sản ngắn hạn khác	147.972.500	146.250.000	1,18%
2. Tài sản dài hạn	7.447.581.040	6.778.060.070	9,88%
- Tài sản cố định	7.240.135.333	5.918.098.755	22,34%
- Tài sản dở dang dài hạn	133.264.800	766.363.636	-82,61%
- Tài sản dài hạn khác	74.180.907	93.597.679	-20,74%
Tổng cộng tài sản:	105.403.402.860	95.059.649.417	10,88%
3. Các chỉ tiêu đánh giá:			
- Vòng quay tổng tài sản	0,91	0,91	
- Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	0,22	0,23	-4,35%

(Nguồn: BCTC năm 2016, 2017 đã được kiểm toán).

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2016	So sánh
I. Nợ ngắn hạn	15.699.329.942	12.392.566.617	26,68%
Phải trả người bán	2.637.470.994	718.610.761	267,02%
Người mua trả tiền trước	101.939.091	207.706.600	-50,92%
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.676.840.851	1.678.546.513	-0,10%
Phải trả người lao động	7.429.556.477	6.397.832.130	16,13%
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.212.667.937		
Các khoản phải trả phải nộp khác	893.059.217	1.931.362.691	-53,76%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.747.795.375	1.458.507.922	19,83%
II. Nợ dài hạn	-	-	
Tổng cộng Nợ phải trả	15.699.329.942	12.392.566.617	26,68%

(Nguồn: BCTC năm 2016, 2017 đã được kiểm toán).

Trong năm 2017 Công ty không có các khoản nợ xấu (bao gồm cả nợ phải thu và nợ phải trả), tình hình tài chính năm 2017 được đánh giá là lành mạnh, có hiệu quả.



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty tiêu thụ nước, năng lượng ở mức thấp, không gây ảnh hưởng đến môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Đảm bảo tốt các chính sách với người lao động
- c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Doanh thu cả năm 2017 đạt: 94,265 tỷ tăng 12,05 % so với năm 2016, hoàn thành kế hoạch năm 2017.

Lợi nhuận trước thuế đạt: 23,223 tỷ tăng 4,02 % so với năm 2016, hoàn thành kế hoạch năm 2017.

Năm 2017 Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như: Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN... đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển của Công ty. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Công ty từ đó tạo động lực thúc đẩy Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;

HĐQT sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Công ty để đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2018 và những năm tiếp theo;

Cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong Công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp;

Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông Công ty.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	TLSHCP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác	Ghi chú
Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	40,897%	- PTGD Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	
Lê Văn Chí	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	14,097%		
Trương Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	13,600%	- Phó ban KTTC Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	
Nguyễn Đình Trụ	Thành viên HĐQT	0%		

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 07 cuộc họp để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. HĐQT luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và kinh doanh có hiệu quả.

Các nghị quyết trong năm 2017 của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	07A/NQ-HĐQT	13/02/2017	Về việc đầu tư mua xe ô tô
2	07/NQ-HĐQT	20/03/2017	Nghị quyết triệu tập đại hội đồng cổ đông

			thường niên 2017
3	01/NQĐH-TVTK-ĐHĐCĐ	27/04/2017	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
4	08/NQ-HĐQT-TVTK	11/05/2017	Nghị quyết về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn CP từ nguồn vốn chủ sở hữu
5	09/NQ-HĐQT	29/05/2015	Nghị quyết trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt, trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu tăng vốn CP từ nguồn vốn chủ sở hữu
6	09A/NQ-HĐQT	14/07/2017	Nghị quyết về đầu tư phần mềm quản lý và phát hành hồ sơ cho Công ty
7	10/NQ-HĐQT	24/07/2017	Nghị quyết về tăng vốn điều lệ công ty
8	11/NQ-HĐQT	16/08/2018	NQ về chủ trương đầu tư tại Myanmar

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Thành viên hội đồng quản trị độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm và có ý kiến đóng góp rõ ràng về các vấn đề đưa ra thảo luận.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
Các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

Họ và tên	Chức vụ	TLSHCP biểu quyết	Ghi chú
Bà Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BKS	0,08%	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên BKS	0,00%	
Ông Đào Minh Hải	Thành viên BKS, Nhân viên Công ty	0,00%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 được tổ chức vào ngày 27/04/2017 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017.

Bảng tổng hợp các khoản thưởng, thù lao của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2017:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Chức vụ	Năm 2017		
			Thù lao	Thưởng/Chi phí khác	Tổng
I	Hội đồng Quản trị:		108.000.000	0	108.000.000
1	Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	0	36.000.000
2	Lê Văn Chí	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
3	Trương Thị Thu Hà	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
4	Nguyễn Đình Trụ	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
II	Ban Kiểm soát:		48.000.000	0	48.000.000
1	Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BKS	24.000.000	0	24.000.000
2	Nguyễn Minh Hùng	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
4	Đào Minh Hải	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
	Tổng cộng:		156.000.000	0	156.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Từ ngày 20/12/2017 đến 05/01/2018, ông Nguyễn Đăng Hùng - Phó giám đốc Công ty đã thực hiện giao dịch chuyển nhượng 14.682 cổ phiếu VTK tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,353%.

Từ ngày 20/12/2017 đến 05/01/2018, Bà Nguyễn Anh Túc vợ ông Nguyễn Đăng Hùng - Phó giám đốc Công ty đã thực hiện giao dịch chuyển nhượng 11.856 cổ phiếu VTK tương ứng tỷ lệ sở hữu 0,285%.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Mọi hoạt động về quản trị Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC):



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Năm 2017)

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	97.955.821.820	88.281.589.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	52.606.173.966	71.163.627.153
1. Tiền	111	6.606.173.966	4.163.627.153
2. Các khoản tương đương tiền	112	46.000.000.000	67.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12.000.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	12.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	32.021.745.654	16.607.664.073
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	31.498.528.355	16.178.290.526
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	523.217.299	429.373.547
IV. Hàng tồn kho	140	1.179.929.700	364.048.121
1. Hàng tồn kho	141	1.179.929.700	364.048.121
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	147.972.500	146.250.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	147.972.500	146.250.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	7.447.581.040	6.778.060.070
II. Tài sản cố định	220	7.240.135.333	5.918.098.755
1. Tài sản cố định hữu hình	221	3.515.981.933	2.193.945.355
Nguyên giá	222	6.392.404.819	4.747.157.547
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(2.876.422.886)	(2.553.212.192)
2. Tài sản cố định vô hình	227	3.724.153.400	3.724.153.400
Nguyên giá	228	3.724.153.400	3.724.153.400
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	133.264.800	766.363.636
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	133.264.800	766.363.636
VI. Tài sản dài hạn khác	260	74.180.907	93.597.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	74.180.907	93.597.679
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	105.403.402.860	95.059.649.417
C - NỢ PHẢI TRẢ	300	15.699.329.942	12.392.566.617
I. Nợ ngắn hạn	310	15.699.329.942	12.392.566.617
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.637.470.994	718.610.761
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	101.939.091	207.706.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.676.840.851	1.678.546.513
4. Phải trả người lao động	314	7.429.556.477	6.397.832.130
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.212.667.937	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	893.059.217	1.931.362.691
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1.747.795.375	1.458.507.922
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	89.704.072.918	82.667.082.800
I. Vốn chủ sở hữu	410	89.704.072.918	82.667.082.800
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	41.599.050.000	32.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	41.599.050.000	32.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	29.683.712.060	30.068.417.532
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18.421.310.858	20.598.665.268
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	2.764.957.863
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18.421.310.858	17.833.707.405
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	105.403.402.860	95.059.649.417

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Năm 2017)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	90.920.544.907	81.059.428.294
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	90.920.544.907	81.059.428.294
4. Giá vốn hàng bán	11	60.374.540.228	51.995.297.816
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	30.546.004.679	29.064.130.478
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.344.511.262	3.067.895.192
7. Chi phí tài chính	22	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.545.785.955	9.789.318.833
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)}	30	23.344.729.986	22.342.706.837
12. Thu nhập khác	31	3	-
13. Chi phí khác	32	121.831.915	16.458.064
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(121.831.912)	(16.458.064)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	23.222.898.074	22.326.248.773
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.801.587.216	4.492.541.368
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	18.421.310.858	17.833.707.405
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61	-	-
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.428	4.287
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Năm 2017)
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	84.383.579.248	80.445.197.244
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(44.007.555.915)	(36.239.575.050)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(21.523.760.542)	(22.516.055.995)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(4.642.620.953)	(4.615.685.818)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	4.061.702.075	2.481.193.305
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(17.545.886.106)	(11.552.289.184)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	725.457.807	8.002.784.502
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.162.408.363)	(766.363.636)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.000.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.191.497.369	2.966.072.085
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.970.910.994)	2.199.708.449
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.312.000.000)	(6.208.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.312.000.000)	(6.208.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(18.557.453.187)	3.994.492.951
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	71.163.627.153	67.169.134.202
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	52.606.173.966	71.163.627.153

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC



Lê Văn Chí